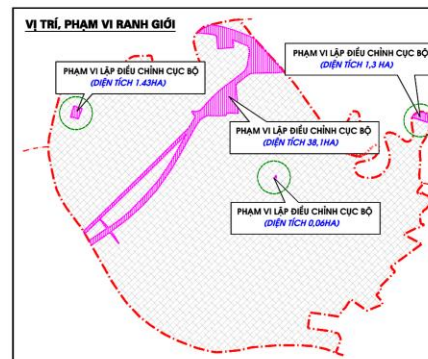
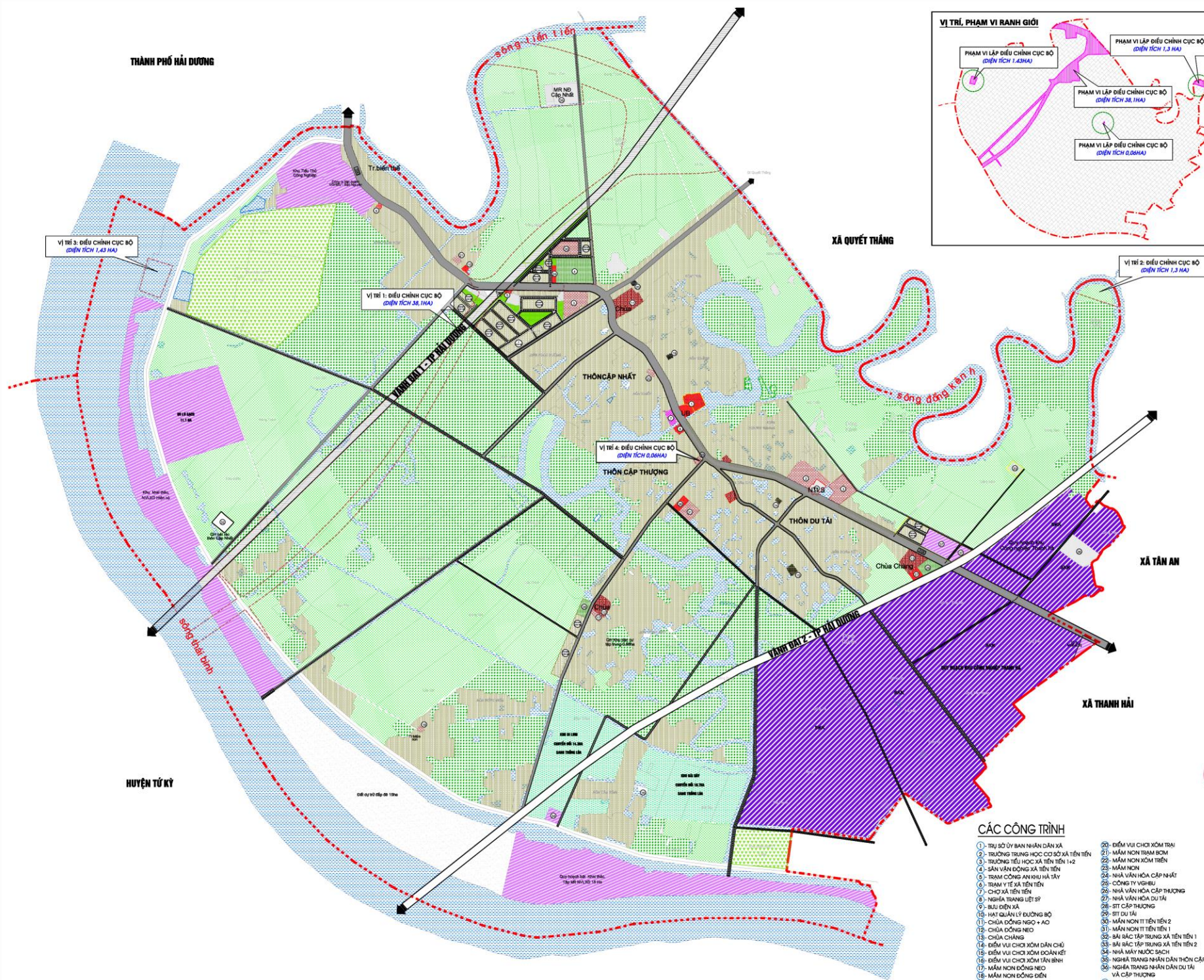


GHI CHÚ :

- | | |
|---|--|
|  | ĐẤT CÔNG CỘNG |
|  | ĐẤT CƠ SỞ Y TẾ |
|  | ĐẤT CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO |
|  | ĐẤT TÔN GIÁO |
|  | ĐẤT Ở HỒNG THÔN |
|  | ĐẤT CỎ THỂ DỤC THỂ THAO |
|  | ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LỪA NƯỚC |
|  | ĐẤT CÂY XANH |
|  | ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH, BẾN BÀ |
|  | ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH |
|  | ĐẤT TRỒNG CÂY AN QUẢ LÂU NĂM |
|  | ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC |
|  | ĐẤT LÂM NÔNG QUẢ CHUYÊN THÂM DẤT LÚA |
|  | ĐẤT CHUYÊN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NGỌT |
|  | ĐẤT SÔNG, NGỒI KÊNH, RẠCH, SƯỜI |
|  | ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA |
|  | ĐẤT BÀI RÁC |
|  | RANH GIỚI XÃ |
|  | RANH GIỚI KHU VỰC LẬP DIỆN CHÍNH CHỨC BỘC |

- | | |
|---|---------------------------|
|  | ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ |
|  | TRƯỜNG TIỂU HỌC |
|  | TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ |
|  | NHÀ TRẺ, MẪU GIÁO |
|  | TRẠM BIẾN THỂ CŨ |
|  | TRẠM BIẾN THỂ MỚI |
|  | TƯỢNG ĐÀI, BIA TƯỜNG NIỆM |
|  | TRẠM BƠM |

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NAM ĐỒNG

Kính gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THAM ĐỊNH QUY HOẠCH

THƯỜNG PHONG
VŨ PHẠM THIÊN
Kèm theo báo cáo thẩm định số 31 BC-SĐD, ngày 03 tháng 7 năm 2015
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH & TRÌNH DUYỆT

VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND
CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

CÔNG TRÌNH, ĐỊA ĐIỂM:
 ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH XÂY DỰNG XÃ NÔNG
 XÃ TIẾN TIẾN - HUYỆN THANH HÓA - TỈNH HẢI DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ: **VỊ TRÍ, PHẠM VI RANH GIỚI
VÀ QUY MÔ KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ**

BẢN VẼ: QH - 01	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ 1/5,000
CHỦ NHIỆM	KTS. PHẠM QUANG ĐIỂN	

THIẾT KẾ QH	KTS. NGUYỄN THỊ NGÂN
THIẾT KẾ HTKT	THS.KS. PHẠM ĐỨC NHƯỜNG

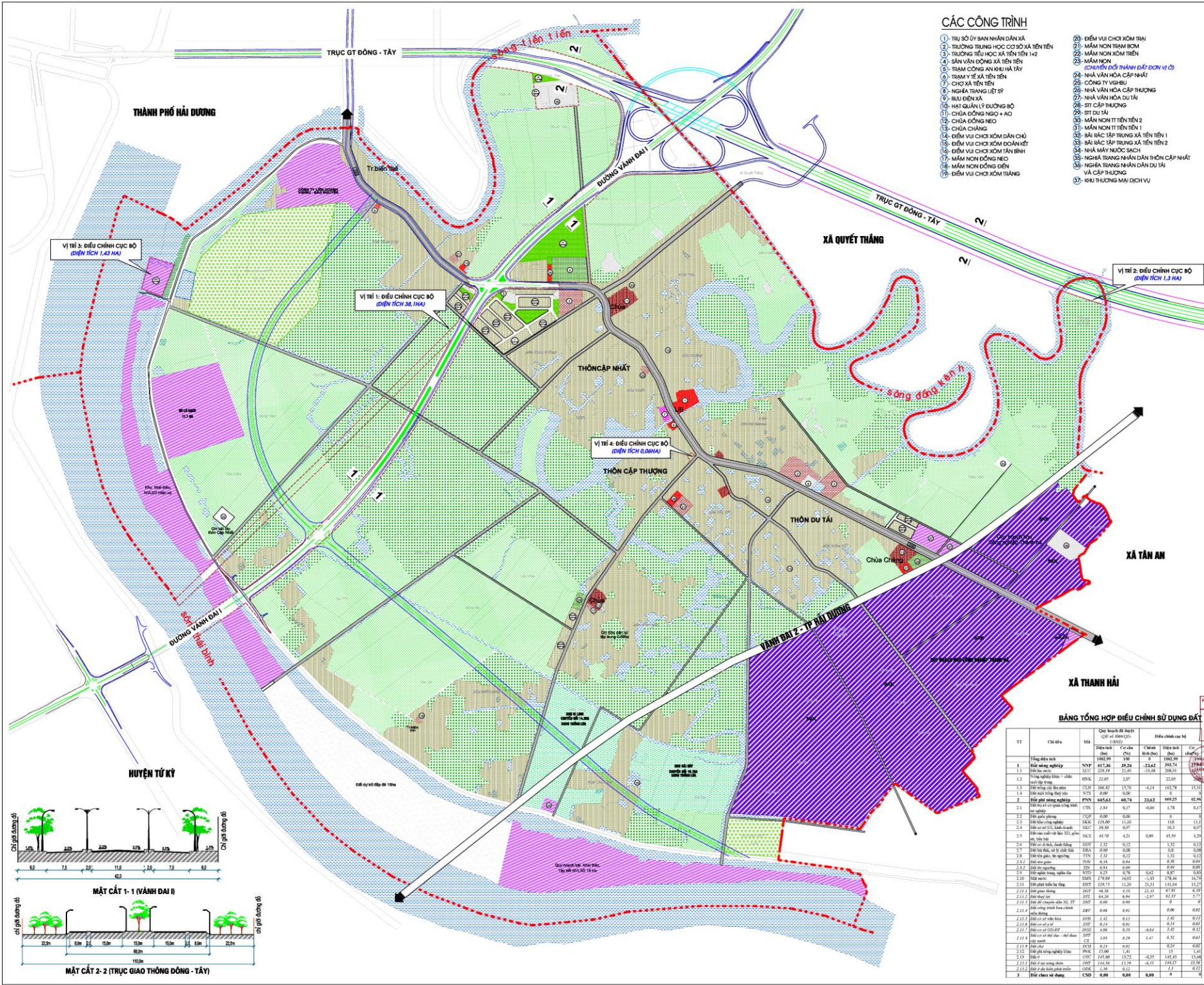
CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN HỮU TOẠI
Q.L. KỸ THUẬT	THS. KS. NGUYỄN VĂN HÒA

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ
THƯƠNG MẠI
NÔNG SẢN

TRẦN VĂN ĐAN

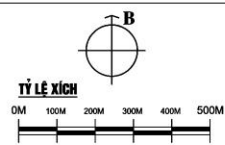
 **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN BẮC**

Địa chỉ: Số 147B Đường Nguyễn Văn Linh, Thành phố Hồ Chí Minh
Số 7: 0910 018 888



CÁC CÔNG TRÌNH

- 1. TRỤ SỞ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
- 2. TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ XÃ TIẾN TIẾN
- 3. TRƯỜNG TIỂU HỌC XÃ TIẾN TIẾN 1+2
- 4. NHÀ VÁN ĐỒNG XÃ TIẾN TIẾN
- 5. TRẠM CÔNG AN KHU HẢI TÂY
- 6. TRẠM Y TẾ XÃ TIẾN TIẾN
- 7. CHỢ XÃ TIẾN TIẾN
- 8. NGHĨA TRANG LỊCH SỬ
- 9. BUA ĐỀN XÃ
- 10. HẠT QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ
- 11. CHÙA ĐỒNG NEO - X. AO
- 12. CHÙA ĐỒNG NEO
- 13. CHÙA CHÁNH
- 14. ĐIỂM VUI CHƠI XOM DÂN CHỦ
- 15. ĐIỂM VUI CHƠI XOM DÂN CHỦ
- 16. ĐIỂM VUI CHƠI XOM TÂN BÌNH
- 17. MẦM NON ĐỒNG NEO
- 18. MẦM NON ĐỒNG ĐIỀN
- 19. ĐIỂM VUI CHƠI XOM TRĂNG
- 20. ĐIỂM VUI CHƠI XOM TRAI
- 21. MẦM NON TRAM BOM
- 22. MẦM NON XOM TRẦN
- 23. MẦM NON
- 24. (CHUYỂN ĐỔI THÀNH ĐẤT ĐƠN VỊ 0)
- 25. NHÀ VÁN HÒA CẤP NHẤT
- 26. CÔNG TY NGHỆ
- 27. NHÀ VÁN HÒA CẤP THƯỢNG
- 28. ST CẤP THƯỢNG
- 29. ST DU TÀI
- 30. MẦM NON TT TIẾN TIẾN 2
- 31. MẦM NON TT TIẾN TIẾN 1
- 32. BÀ RÁC CẤP TRUNG XÃ TIẾN TIẾN 1
- 33. BÀ RÁC TẬP TRUNG XÃ TIẾN TIẾN 2
- 34. NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH
- 35. NGHĨA TRANG NHÂN DÂN THÔN CẤP NHẤT
- 36. NGHĨA TRANG NHÂN DÂN DU TÀI VÀ CẤP THƯỢNG
- 37. KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ



KÝ HIỆU :

- DTL ĐẤT CÔNG CỘNG
- DYT ĐẤT CƠ SỞ Y TẾ
- DĐD ĐẤT CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO
- TCM ĐẤT TÔN GIÁO
- ONT ĐẤT Ở NÔNG THÔN
- DTT ĐẤT CƠ SỞ THỂ DỤC THỂ THAO
- LUC ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA NƯỚC
- CX ĐẤT CÂY XANH
- BKC ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH, BẾN BÀI
- ĐĐĐ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
- LHK ĐẤT TRỒNG CÂY ẨM QUẢ LÂU NĂM
- ĐĐĐ ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC
- LC ĐẤT LƯU NÀM QUẢ CHUYÊN THÀNH DẤT LÚA
- TĐN ĐẤT CHUYÊN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NƠI
- DTL ĐẤT SÔNG, NGÒI, KÊNH, RẠCH, SUỐI
- NTD ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
- RAC ĐẤT BÀI RÁC
- RGHX RANH GIỚI XÃ
- RKHV RANH GIỚI KHU VỰC LẬP ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ

GHI CHÚ :

- ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
- NHÀ TRẺ, MẪU GIÁO
- TRẠM BIẾN THẾ CẤP
- TRẠM BIẾN THỂ MỎI
- TƯỢNG ĐÀI, BIA TƯỢNG NIỆM
- TRẠM BƠM

CƠ QUAN THẨM DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN NAM ĐỒNG
NGUYỄN QUANG HUY
KHOA QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ QUẢN LÝ KINH ĐÔ THỊ
NGÀY: 26/05/2024

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ QUẢN LÝ KINH ĐÔ THỊ
TRAM BINH QUY HOẠCH VÀ ĐÔ THỊ
NGUYỄN VĂN PHÚC
NGÀY: 26/05/2024

CÔNG TRÌNH: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI XÃ TIẾN TIẾN - HUYỆN THANH HÓA - TỈNH HẢI DƯƠNG (MAY THUỘC PHƯỜNG NAM ĐỒNG, TRAM BINH QUY HOẠCH VÀ ĐÔ THỊ)

TÊN BẢN VẼ: VỊ TRÍ PHẠM VI BÀN GIỚI VÀ QUY MÔ KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ

BẢN VẼ: QH - 01; GHÉP: 1A0; TỶ LỆ: 1/5,000; NGÀY: 2024

CHỦ NHIỆM: KTS. PHẠM QUANG ĐIỀN

THIẾT KẾ KH: KTS. NGUYỄN THỊ NGÂN

CHỦ TH: KTS. PHẠM ĐỨC NGUYỄN

CHỦ TH: KTS. NGUYỄN HỮU TOẠI

Q.L. KỸ THUẬT: KTS. KS. NGUYỄN VĂN HÒA

TỔNG GIÁM ĐỐC: TRẦN VĂN ĐÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI MINH ĐỨC HỒ

TT	Chỉ tiêu	Số	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính
1	Tổng diện tích	1000,00	ha	1000,00	ha	1000,00	ha	1000,00	ha
2	Tổng diện tích đất nông nghiệp	417,36	ha	417,36	ha	417,36	ha	417,36	ha
3	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng lúa	225,19	ha	225,19	ha	225,19	ha	225,19	ha
4	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm	192,17	ha	192,17	ha	192,17	ha	192,17	ha
5	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
6	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
7	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
8	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
9	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
10	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
11	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
12	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
13	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
14	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
15	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
16	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
17	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
18	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
19	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
20	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
21	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
22	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
23	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
24	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
25	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
26	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
27	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
28	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
29	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
30	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
31	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
32	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
33	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
34	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
35	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
36	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
37	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
38	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
39	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
40	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
41	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
42	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
43	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
44	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
45	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
46	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
47	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
48	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
49	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây ăn quả lâu năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha
50	Tổng diện tích đất nông nghiệp - đất trồng cây hàng năm khác	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha	100,00	ha

